

Số: 3990/ ĐHĐN-ĐT

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2019

V/v cập nhật bảng tham chiếu chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	
ĐẾN	Số: 528
	Ngày: 26/11/2019
	Chuyên:

KC-BGH
- I.DT, CTSV, KCHHOC, KCHHOC
- Cui Khoa
- Lm2

- Các đơn vị thành viên;
- Đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng.

Căn cứ đề xuất của trường Đại học Ngoại ngữ tại Công văn số 1367/ĐHNN, Đại học Đà Nẵng công bố bảng điều chỉnh, cập nhật quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Tiếng Anh

KNLNN Việt Nam	CEFR	IELTS	TOEFL iBT	Cambridge tests	TOEIC (4 kỹ năng)			Chứng chỉ quốc gia
					Nghe & Đọc	Nói	Viết	
Bậc 1	A1			100 - 119	120-220	50	30	VSTEP.1
Bậc 2	A2	4.0	30	A2 Key/Key for Schools (KET) 120 – 139	225-445	70-90	50-70	VSTEP.2
Bậc 3	B1	4.5-5.0	31-45	B1 Preliminary/Preliminary for Schools (PET) 140 – 159	450-595	100-120	90-120	VSTEP.3-5 4.0-5.5
Bậc 4	B2	5.5-6.0	46-93	B2 First/First for Schools (FCE) 160 – 179	600-845	140-160	130-150	VSTEP.3-5 6.0-8.0
Bậc 5	C1	6.5-7.5	94-109	C1 Advanced (CAE) 180 – 199	850-940	170-180	160-180	VSTEP.3-5 8.5-10
Bậc 6	C2	8.0-9.0	110-120	C2 Proficiency (CPE) 200 - 230	945-990	190	190	

2. Tiếng Pháp

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Pháp	
		DELTA và DALF	TCF
Bậc 1	A1	Delf A1	TCF A1 (100-199 điểm)
Bậc 2	A2	Delf A2	TCF A2 (200-299 điểm)
Bậc 3	B1	Delf B1	TCF B1 (300-399 điểm)
Bậc 4	B2	Delf B2	TCF B2 (400-499 điểm)
Bậc 5	C1	Dalf C1	TCF C1 (500-599 điểm)
Bậc 6	C2	Dalf C2	TCF C2 (600-699 điểm)

3. Tiếng Nga

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Nga
Bậc 1	A1	ТЭУ Тест по русскому языку как иностранному. Элементарный уровень. <i>Elementary Level</i>
Bậc 2	A2	ТБУ Тест по русскому языку как иностранному. Базовый уровень. <i>Immediate Level</i>
Bậc 3	B1	ТРКИ-1 Тест по русскому языку как иностранному - 1 <i>Certificate Level 1</i>
Bậc 4	B2	ТРКИ-2 Тест по русскому языку как иностранному - 2 <i>Certificate Level 2</i>
Bậc 5	C1	ТРКИ-3 Тест по русскому языку как иностранному - 3 <i>Certificate Level 3</i>
Bậc 6	C2	ТРКИ-4 Тест по русскому языку как иностранному – 4 <i>Certificate Level 4</i>

4. Tiếng Trung Quốc

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Trung Quốc	
		HSK	TOCFL
Bậc 1	A1	Level 1 Điểm đạt: 120/200	Level 1 Điểm đạt: 41/80
Bậc 2	A2	Level 2 Điểm đạt: 120/200	Level 2 Điểm đạt: 60/80
Bậc 3	B1	Level 3 Điểm đạt: 180/200	Level 3 Điểm đạt: 46/80
Bậc 4	B2	Level 4 Điểm đạt: 180/200	Level 4 Điểm đạt: 61/80
Bậc 5	C1	Level 5 Điểm đạt: 180/200	Level 5 Điểm đạt: 50/80
Bậc 6	C2	Level 6 Điểm đạt: 180/200	Level 6 Điểm đạt: 61/80

5. Tiếng Hàn Quốc

KNLNN Việt Nam	CEFR	TOPIK
Bậc 1	A1	Cấp 1
Bậc 2	A2	Cấp 2
Bậc 3	B1	Cấp 3
Bậc 4	B2	Cấp 4
Bậc 5	C1	Cấp 5
Bậc 6	C2	Cấp 6

6. Tiếng Nhật

KNLNN Việt Nam	CEFR	CHỨNG NHẬN		
		JLPT	NAT-TEST	TOP-J
Bậc 1	A1	N5	5 Kyu	Sơ cấp B
Bậc 2	A2	N4	4 Kyu	Sơ cấp A
Bậc 3	B1	N3	3 Kyu	Trung cấp B
Bậc 4	B2	N2 (từ 90 điểm)	2 Kyu (B)	Trung cấp A
Bậc 5	C1	N2 (từ 150 điểm)	2 Kyu (A)	Cao cấp B
Bậc 6	C2	N1	1 Kyu	Cao cấp A

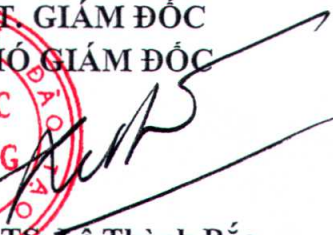
Bảng tham chiếu chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được áp dụng để xét miễn học, miễn thi chuẩn đầu ra cho sinh viên toàn Đại học Đà Nẵng từ năm 2020.

Yêu cầu các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng nghiêm túc thực hiện.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, ĐT.

 KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Thành Bắc